

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần VKC Holdings thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Năm 2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. BCTC Năm 2022**

- BCTC Năm 2022 theo quy định tại khoản 3 điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước,

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp có

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp có

Có

Không

**2. Các giao dịch mua lại doanh nghiệp, bán tài sản (các giao dịch này làm thay đổi hoặc có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng tài sản trở lên trong thời gian từ tháng 01/2021 đến thời điểm này nếu có).**

- Nội dung giao dịch: Không có



- Đối tác giao dịch: Không có
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): Không có
- Ngày hoàn thành giao dịch: Không có.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**NGUYỄN VĂN THÁI**





Số: 26/CV/CKC-23

"V.v: Giải trình kết quả LNST đã kiểm toán  
năm 2022 so với năm 2021 và ý kiến của  
kiểm toán"

Bình Dương, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Căn cứ kết quả công tác kiểm toán BCTC cho kỳ kế toán năm 2022 do Công ty Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn Chuẩn Việt thực hiện.

Công ty Cổ Phần VKC Holdings (Mã chứng khoán: VKC) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) năm 2022 đã kiểm toán so với cùng kỳ năm 2021 và ý kiến của kiểm toán như sau:

1) Chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 đã được kiểm toán so với cùng kỳ năm 2021 trên 10% và chuyển từ lãi kỳ trước sang lỗ kỳ này.

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch tăng/(giảm)	% tăng/(giảm)
Lãi/lỗ sau thuế TNDN	-239,324 tỷ	2,322 tỷ	-241,646 tỷ	

Trong năm 2022 công ty đã gặp rất nhiều biến cố. Số lỗ này chủ yếu do chi phí xử lý hàng tồn kho kiểm kê thiếu không rõ nguyên nhân, chi phí lãi vay và lãi trái phiếu, chi phí xử lý TSCĐ không được hình thành và chi phí dự phòng phải thu khó đòi. Trong khi đó doanh thu giảm mạnh do thiếu hụt nguồn vốn kinh doanh và suy thoái kinh tế toàn cầu.

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Hàng tồn kho kiểm kê thiếu không rõ nguyên nhân	104.030.108.816
2	Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	68.481.269.229
3	Xử lý tài sản không hình thành	9.166.617.900
4	Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	37.028.199.771
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>218.706.195.716</b>

2) Giải trình nội dung kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến.

Trong báo cáo kiểm toán năm 2022 đơn vị kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến chủ yếu do các nguyên nhân sau đây: Đơn vị kiểm toán không nhận được thư xác nhận công nợ bằng hình



thức phúc đáp trực tiếp từ các tổ chức và cá nhân liên quan và nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục khi tổng nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

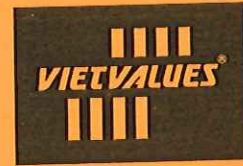


**NGUYỄN VĂN THÁI**





Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty thành viên của *JPA International*  
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285  
Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com) Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



# **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 08
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	09 - 10
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 44

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty CP VKC Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tên giao dịch là: VKC Holdings; tên viết tắt là: VKC HOLDINGS) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Vĩnh Khánh (Công ty TNHH Vĩnh Khánh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05 tháng 12 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp). Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/06/2003, trong quá trình hoạt động đã đăng ký thay đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3700510650 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 20/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, về việc thay đổi tên từ Công ty CP Cáp – Nhựa Vĩnh Khánh thành Công ty CP VKC Holdings và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Lâm Quy Chương thành ông Trần Hoàng An. Đăng ký thay đổi lần 26 ngày 28/07/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông Trần Lý Lạc Long Giang thành ông Nguyễn Văn Thái.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : VKC  
Vốn điều lệ : 200.000.000.000 đồng.

### 2. Trụ sở hoạt động

#### ▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.  
Điện thoại : +84 (274) 3751 501  
Fax : +84 (274) 3751 699  
Mã số thuế : 3 7 0 0 5 1 0 6 5 0

#### ▪ Chi nhánh, văn phòng đại diện

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện	Địa chỉ
- Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
- Chi nhánh quận 8	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
- Chi nhánh Tp. HCM	576 đường 3/2, Phường 14, Quận 10, Tp. HCM
- Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
- Chi nhánh Phú Yên	Số 81 Nguyễn Tất Thành, P. 2, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**3. Ngành nghề hoạt động**

- Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, ống nhựa các loại;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết: Sản xuất điện thoại, thiết bị điện thoại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Bán buôn ống nhựa và phụ kiện các loại, ống gang và phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Bán buôn bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp)).
- Sản xuất đồ điện gia dụng (chi tiết: Sản xuất quạt điện, mô tơ các loại);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (chi tiết: Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế).

**4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

**4.1 Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Hoàng Sinh	Chủ tịch	21/07/2022	
Bà Vũ thị Thu Hương	Phó chủ tịch	21/07/2022	
Ông Nguyễn Văn Thái	Thành viên	21/07/2022	
Ông Lê Minh Chi	Thành viên	21/07/2022	
Ông Nguyễn Trung Trực	Thành viên	21/07/2022	
Ông Nguyễn Thiện Cảnh	Chủ tịch	30/05/2022	21/07/2022
Ông Trịnh Văn Bảo	Chủ tịch	08/12/2021	30/05/2022
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên	08/12/2021	29/06/2022
Ông Ngô Thục Vũ	Thành viên	08/12/2021	18/05/2022
Ông Nguyễn Thiện Cảnh	Thành viên	08/12/2021	29/06/2022
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Thành viên	08/12/2021	29/06/2022

331281  
CÔNG  
HÀNH  
TOÁN VÀ  
KIỂM  
TRU  
TP. H

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**4.2 Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Xuân Long	Trưởng ban	21/07/2022	
Bà Lê Thị Hoàn	Thành viên	21/07/2022	
Bà Lê Thị Thanh Thúy	Thành viên	21/07/2022	
Ông Hồ Đăng Dân	Trưởng ban	08/12/2021	04/03/2022
Bà Phạm Thu Thảo	Thành viên	08/12/2021	29/06/2022
Ông Phạm Minh Vương	Thành viên	08/12/2021	29/06/2022

**4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thái	Tổng Giám đốc	27/07/2022	
Ông Trần Lý Lạc Long Giang	Tổng Giám đốc	29/03/2022	27/07/2022
Ông Trần Hoàng An	Tổng Giám đốc	07/12/2021	29/03/2022
Ông Nguyễn Đức Lộc	Phó Tổng Giám đốc	30/11/2021	20/04/2022
Bà Trần Ngọc Mai	Phó Tổng Giám đốc	09/12/2021	01/07/2022
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	14/04/2022	01/07/2022
Ông Nguyễn Bá Ngọc	Giám đốc tài chính	30/11/2021	29/06/2022
Ông Trịnh Ngọc Thanh Liêm	Kế toán trưởng	15/11/2022	
Bà Trần Thị Mơ	Kế toán trưởng	03/10/2022	15/11/2022
Bà Trần Mỹ Hạnh	Kế toán trưởng	18/07/2022	03/10/2022
Bà Huỳnh Thị Kim Oanh	Kế toán trưởng	16/02/2022	29/06/2022
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng	01/03/2019	16/02/2022

**5 Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thái	Tổng Giám đốc	27/07/2022	
Ông Trần Lý Lạc Long Giang	Tổng Giám đốc	29/03/2022	27/07/2022
Ông Trần Hoàng An	Tổng Giám đốc	07/12/2021	29/03/2022

**6 Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 09 đến trang 44.

**7 Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.





**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**8 Xác nhận của Hội đồng Quản trị**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**9 Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 04 tháng 3 năm 2023.

TM. Hội đồng Quản trị



**PHẠM HOÀNG SINH**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: 2048/23/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần VKC Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2023 (từ trang 09 đến trang 44), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận bằng hình thức phúc đáp trực tiếp cho chúng tôi về số dư tại ngày 31/12/2022 và mối liên quan với Công ty, đối với khoản mục được liệt kê theo bảng kê bên dưới đây, bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi cũng không xác định được tính đúng đắn số dư của các khoản mục này trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, cũng như chúng tôi không xác định được đầy đủ mối liên quan giữa Công ty với các đối tượng của các khoản mục này có phải là bên liên quan theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 hay không.

Khoản mục	Mục thuyết minh	Số dư tại 31/12/2022
Nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3a	149.246.427.821 đồng
Phải thu dài hạn của khách hàng	V.3b	2.042.784.165 đồng
V.4 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	7.676.816.830 đồng
V.5a - Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	166.305.466.085 đồng
V.5b - Phải thu dài hạn khác	V.5b	5.684.110.000 đồng
V.8 - Phải thu về cho vay dài hạn	V.8	2.500.000.000 đồng
V.11 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.11	36.000.000.000 đồng
V.13 - Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	6.857.164.458 đồng



- Tại Thuyết minh số V.6 – Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, tại ngày 31/12/2022, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn theo quy định tại Khoản 2, Điều 6, Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 08/08/2019 với số tiền là 68.160.326.653 đồng. Tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng liên quan đến số tiền trích lập dự phòng này. Đồng thời, với các tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để kết luận việc trích lập dự phòng của Công ty đối với số dư tại 31/12/2022 của các khoản mục được liệt kê theo bảng kê bên dưới có đầy đủ theo nguyên tắc “Thận trọng” quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 hay không.

Khoản mục	Mục thuyết minh	Số dư tại 31/12/2022
Nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3a	149.246.427.821 đồng
Phải thu dài hạn của khách hàng	V.3b	2.042.784.165 đồng
Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	7.676.816.830 đồng
Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	166.305.466.085 đồng
Phải thu dài hạn khác	V.5b	5.684.110.000 đồng
Phải thu về cho vay dài hạn	V.8	2.500.000.000 đồng

- Công ty không xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư thể hiện trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022 với số tiền là 36.000.000.000 đồng. Do đó, chúng tôi không đánh giá liệu có cần thiết phải trích lập chi phí dự phòng các khoản đầu tư này hay không.
- Theo thuyết minh V.18a – Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, mô tả dòng tiền chi ra từ đợt phát hành trái phiếu đúng mục đích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 08/12/2021 nhưng không đúng theo Bản công bố thông tin ngày 03/12/2021 (mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (trung ương 85%)) với số tiền là 80.800.000.000 đồng; Các khoản chi không đúng mục đích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 08/12/2021 và không đúng mục đích theo Bản công bố thông tin ngày 03/12/2021 với số tiền là 34.937.668.136 đồng.

Đồng thời theo thuyết minh V.18a - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, mô tả Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang sử dụng tài sản là Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Giấy chứng nhận số BR626016 tọa lạc tại Thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang để đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu Công ty (theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 135/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2022 của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang), tài sản này chưa được thực hiện ký 3 bên giữa Công ty với Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang và tổ chức với tư cách là bên nhận tài sản đảm bảo.

- Theo Thuyết minh mục VII.6 - Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục, trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, khoản lỗ thuần lũy kế của Công ty là (216.859.808.877) đồng, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 115.931.232.394 đồng, Công ty có một số khoản nợ vay ngắn hạn và nợ tiền lãi vay, trái phiếu đã quá hạn thanh toán với tổng giá trị ước tính là 178.012.620.530 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



**Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2141-2023-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2817-2020-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>285.073.332.279</b>	<b>532.519.482.395</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>1.648.119.276</b>	<b>26.020.391.385</b>
111	1. Tiền		1.648.119.276	26.020.391.385
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>510.000.000</b>	<b>83.616.762.369</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	510.000.000	83.616.762.369
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>255.068.384.083</b>	<b>262.456.038.612</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3a	149.246.427.821	145.802.665.063
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	7.676.816.830	7.584.572.324
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	166.305.466.085	109.097.969.059
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(68.160.326.653)	(29.167.834)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.7	<b>27.846.828.920</b>	<b>160.103.181.096</b>
141	1. Hàng tồn kho		28.430.205.896	160.103.181.096
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(583.376.976)	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>323.108.933</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	323.108.933
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>121.167.931.363</b>	<b>149.055.584.616</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>10.226.894.165</b>	<b>11.126.894.165</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.3b	2.042.784.165	2.942.784.165
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	V.8	2.500.000.000	2.500.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.5b	5.684.110.000	5.684.110.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>68.325.491.166</b>	<b>88.681.511.495</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	59.941.524.648	80.868.238.026
222	- Nguyên giá		278.554.618.020	293.130.197.334
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(218.613.093.372)	(212.261.959.308)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	8.383.966.518	7.813.273.469
228	- Nguyên giá		11.724.155.677	10.617.950.483
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.340.189.159)	(2.804.677.014)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.11	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		36.000.000.000	36.000.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.615.546.032</b>	<b>13.247.178.956</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	6.615.546.032	13.247.178.956
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>406.241.263.642</b>	<b>681.575.067.011</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>401.970.889.673</b>	<b>437.748.109.095</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>401.004.564.673</b>	<b>318.340.029.091</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	6.857.164.458	31.447.780.357
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	26.926.880	71.331.186
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	2.492.790.500	1.312.432.113
314	4. Phải trả người lao động		1.105.434.031	1.322.071.337
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	22.185.711.649	633.883.707
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	1.578.023.883	1.721.622.501
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	366.749.994.911	281.786.489.529
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	8.518.361	44.418.361
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>966.325.000</b>	<b>119.408.080.004</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	966.325.000	119.408.080.004
339	2. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.270.373.969</b>	<b>243.826.957.916</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.20	<b>4.270.373.969</b>	<b>243.826.957.916</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.384.120.000	11.384.120.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(3.811.929.315)	(3.811.929.315)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		13.557.992.161	13.557.992.161
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(216.859.808.877)	22.696.775.070
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		22.464.550.590	20.374.530.255
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(239.324.359.467)	2.322.244.815
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>406.241.263.642</b>	<b>681.575.067.011</b>

Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Đại diện theo pháp luật

Lâm Thị Hồng Choa

TRỊNH NGỌC THANH LIÊM

NGUYỄN VĂN THÁI





**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VNĐ

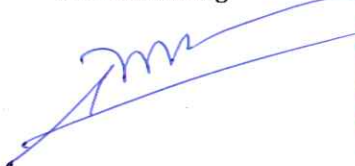
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	264.392.568.119	885.969.642.945
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1.450.197.952	1.835.797.700
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		262.942.370.167	884.133.845.245
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	259.014.178.097	836.332.902.096
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.928.192.070	47.800.943.149
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.373.393.697	5.149.476.670
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	41.774.206.528	23.407.897.471
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		37.028.199.771	22.823.646.802
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	10.092.232.784	14.818.591.343
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	91.452.943.860	11.008.912.495
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(137.017.797.405)	3.715.018.510
31	11. Thu nhập khác	VI.7	11.285.220.935	584.748.974
32	12. Chi phí khác	VI.8	113.824.007.477	1.172.238.242
40	13. Lợi nhuận khác		(102.538.786.542)	(587.489.268)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(239.556.583.947)	3.127.529.242
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15	-	805.284.427
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(239.556.583.947)	2.322.244.815
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	(12.426)	118
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	(12.426)	118

Người lập



Lâm Chi Hồng Choa

Kế toán trưởng



TRỊNH NGỌC THANH LIÊM

Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Đại diện theo pháp luật



NGUYỄN VĂN THÁI



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.15	(239.556.583.947)	3.127.529.242
	2. Điều chỉnh cho các khoản		122.791.576.609	20.580.738.055
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9;10	11.961.503.338	13.225.249.954
03	- Các khoản dự phòng		68.714.535.795	(10.462.743.390)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3;7	5.087.337.705	(5.005.415.311)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	37.028.199.771	22.823.646.802
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(116.765.007.338)	23.708.267.297
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(59.520.395.357)	(56.857.444.231)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		131.672.975.200	(25.796.347.189)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(23.250.463.786)	(23.106.130.385)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		6.631.632.924	(2.284.165.129)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(15.672.093.473)	(23.045.733.351)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(368.712.312)	(715.807.295)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.19	(35.900.000)	(1.016.602.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(77.307.964.142)	(109.113.962.283)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.9;10	(2.518.814.288)	(16.753.665.789)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		3.745.454.546	520.002.043
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		21.496.386.108	8.569.331.219
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		61.610.376.261	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	2.080.539.028	4.990.551.264
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		86.413.941.655	(2.673.781.263)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.18	308.120.245.499	894.150.615.803
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.18	(341.598.495.121)	(793.728.768.025)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(33.478.249.622)	100.421.847.778
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(24.372.272.109)	(11.365.895.768)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	26.020.391.385	37.386.287.153
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	1.648.119.276	26.020.391.385

Người lập

Lâm Thị Hồng Hoa

Kế toán trưởng

TRỊNH NGỌC THANH LIÊM



NGUYỄN VĂN THÁI



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần VKC Holdings (sau đây gọi là “Công ty”).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;
- Mua bán lốp xe, phụ tùng xe.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty có sự thay đổi lớn về nhân sự chủ chốt (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Nên hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn thực hiện tái cơ cấu lại hoạt động. Đồng thời thị trường kinh tế mới phục hồi sau dịch bệnh Viêm đường hô hấp cấp Sars - Covid 2 (Covid 19), do đó quy mô doanh thu của Công ty chưa ổn định trở lại, dẫn đến doanh thu năm nay giảm 70,16% so với năm trước.

Trong năm, Công ty phản ánh vào chi phí đối với giá trị hàng tồn kho thiếu từ kết quả kiểm kê cuối năm và Công ty thực hiện trích lập chi phí dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn, khó đòi, dẫn đến Lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay bị lỗ (239.556.583.947) đồng trong khi năm trước lãi 2.322.244.815 đồng.

#### 6. Cấu trúc Công ty

*Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.*

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long
2. Chi nhánh Tp.HCM	576 đường 3/2, Phường 14, Quận 10, Tp. HCM
3. Chi nhánh quận 8 – Tp. HCM	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
4. Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng
5. Chi nhánh Phú Yên	Số 81 Nguyễn Tất Thành, P. 2, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 79 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 129 nhân viên).



## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung (trên máy vi tính).

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.





**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

*Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương*

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 40 năm.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06

**8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính là 25 năm.

***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**11. Cơ sở tính và trích lương**

Công ty tính lương căn cứ vào Hợp đồng lao động với người lao động, trả lương theo thời gian.

**12. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**13. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

***Doanh thu bán hàng hóa (vỏ xe, ống nhựa), bán thành phẩm (cáp viễn thông)***

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
  - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
  - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
  - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng)***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

**16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

0312  
CÔ  
ÍCH NH  
M TOÁN  
HƯ  
S - T



## 17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

## 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng.

## 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	64.063.400	42.205.972
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.584.055.876	25.978.185.413
<b>Cộng</b>	<b><u>1.648.119.276</u></b>	<b><u>26.020.391.385</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là các khoản tiền tiết kiệm tại các ngân hàng có thời gian đáo hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng.

Trong đó, giá trị tiền tiết kiệm cuối kỳ dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng là 510.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

**3. Phải thu ngắn hạn và dài hạn của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>149.246.427.821</i>	<i>145.802.665.063</i>
- Nguyễn Thị Loan	25.330.876.560	25.330.876.560
- Trần Thị Hương Anh	16.243.997.518	16.243.997.518
- Các khách hàng khác	<u>107.671.553.743</u>	<u>104.227.790.985</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>149.246.427.821</u></b>	<b><u>145.802.665.063</u></b>

Trong đó, giá trị Nợ phải thu khách hàng cuối năm dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng là 10.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>2.042.784.165</i>	<i>2.942.784.165</i>
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức	<u>2.042.784.165</u>	<u>2.942.784.165</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>2.042.784.165</u></b>	<b><u>2.942.784.165</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>7.676.816.830</i>	<i>7.584.572.324</i>
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên	4.169.533.115	4.169.533.115
- Trả trước cho các người bán khác	<u>3.507.283.715</u>	<u>3.415.039.209</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>7.676.816.830</u></b>	<b><u>7.584.572.324</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5. Phải thu ngắn hạn khác và dài hạn****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các bên khác</i>	<b>166.305.466.085</b>	-	<b>109.097.969.059</b>	-
- Tạm ứng cho nhân viên	420.702.319	-	99.859.611	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	625.265.415	-	1.809.515.513	-
- Đặt cọc mua cổ phần (*)	98.750.000.000	-	98.750.000.000	-
- Chi tiền góp vốn (*)	66.200.000.000	-	8.000.000.000	-
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-	161.414.010	-
- Phải thu khác	309.498.351	-	438.593.935	-
<b>Cộng</b>	<b>166.305.466.085</b>	-	<b>109.097.969.059</b>	-

(\*) Là khoản tiền Công ty chi góp vốn vào Công ty TNHH Toccoo; và chi đặt cọc cho Công ty CP Louis Land (84.150.000.000 đồng) và bà Trần Thị Thu Phương (14.600.000.000 đồng) để thực hiện mua cổ phần của Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (theo mục đích phát hành trái phiếu tại Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ số 01/PAPHTP/VKC ngày 02/12/2021 đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt và đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 08/12/2021).

**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>5.684.110.000</b>	-	<b>5.684.110.000</b>	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	5.684.110.000	-	5.684.110.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.684.110.000</b>	-	<b>5.684.110.000</b>	-

(\*) Là khoản tiền đặt cọc cho Trần Văn Tôn để nhận chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của sổ đất CU 035996 tại thửa đất số 218, thuộc tờ bản đồ số 17 tại ấp 6, xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An theo hợp đồng mua bán đất quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 27/12/2019.

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(29.167.834)	(2.428.991.791)
Trích lập dự phòng bổ sung	(68.160.326.653)	(64.958.562)
Hoàn nhập dự phòng	29.167.834	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(68.160.326.653)</b>	<b>(2.493.950.353)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	406.833.333	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu <sup>(1)</sup>	10.440.329.833	9.027.759	12.364.512.795	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.528.801.728	-	5.845.480.346	-
- Thành phẩm <sup>(2)</sup>	9.511.342.213	458.260.323	85.102.336.804	-
- Hàng hóa <sup>(3)</sup>	6.542.898.790	116.088.894	56.790.851.151	-
<b>Cộng</b>	<b>28.430.205.896</b>	<b>583.376.976</b>	<b>160.103.181.096</b>	-

Trong đó, giá trị Hàng tồn kho cuối năm dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng là 20.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

<sup>(1)</sup> Nguyên liệu, vật liệu cuối năm chủ yếu là sợi quang, dây thép dùng để sản xuất cáp đồng, cáp mạng lan.

<sup>(2)</sup> Thành phẩm cuối năm chủ yếu là cáp đồng, cáp mạng lan.

<sup>(3)</sup> Hàng hoá cuối năm chủ yếu là vỏ xe.

**8. Phải thu về cho vay dài hạn**

Là khoản cho vay Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên vay theo Hợp đồng tín dụng số 1810/VK-TK/2020 ngày 18/10/2020. Số tiền vay: 2.500.000.000 đồng. Kỳ hạn: 24 tháng. Lãi suất 6%/năm, bằng hình thức tín chấp.

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
- Số đầu năm	77.480.550.535	185.150.681.749	6.234.928.050	3.319.500.653	20.944.536.347	293.130.197.334
- Mua trong năm	-	-	1.317.109.094	95.500.000	-	1.412.609.094
- Thanh lý	(9.606.935.789)	(5.064.143.527)	(1.317.109.092)	-	-	(15.988.188.408)
<b>Số cuối năm</b>	<b>67.873.614.746</b>	<b>180.086.538.222</b>	<b>6.234.928.052</b>	<b>3.415.000.653</b>	<b>20.944.536.347</b>	<b>278.554.618.020</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
- Số đầu năm	20.001.394.277	164.366.391.928	4.744.423.724	2.958.270.819	20.191.478.560	212.261.959.308
- Khấu hao trong năm	4.282.099.978	6.258.945.806	464.465.848	312.899.873	107.579.688	11.425.991.193
- Thanh lý	(440.317.889)	(4.568.683.786)	(65.855.454)	-	-	(5.074.857.129)
<b>Số cuối năm</b>	<b>23.843.176.366</b>	<b>166.056.653.948</b>	<b>5.143.034.118</b>	<b>3.271.170.692</b>	<b>20.299.058.248</b>	<b>218.613.093.372</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	57.479.156.258	20.784.289.821	1.490.504.326	361.229.834	753.057.787	80.868.238.026
Số cuối năm	44.030.438.380	14.029.884.274	1.091.893.934	143.829.961	645.478.099	59.941.524.648



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 159.739.582.151 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 1.091.893.932 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
- Số đầu năm	10.148.977.077	468.973.406	10.617.950.483
- Tăng trong năm	-	1.106.205.194	1.106.205.194
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.148.977.077</b>	<b>1.575.178.600</b>	<b>11.724.155.677</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
- Số đầu năm	2.357.703.608	446.973.406	2.804.677.014
- Khấu hao trong năm	359.919.576	175.592.569	535.512.145
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.717.623.184</b>	<b>622.565.975</b>	<b>3.340.189.159</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	7.791.273.469	22.000.000	7.813.273.469
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.431.353.893</b>	<b>952.612.625</b>	<b>8.383.966.518</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 372.973.406 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 946.731.009 đồng (xem tại Thuyết minh V.18).

(\*) Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cuối kỳ bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 387309, thửa số 4701, tờ bản đồ số 5 (2AB.9). Thời hạn sử dụng đến 6/8/2023.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 179285, 1 phần thửa số 2922, tờ bản đồ số 4 (2BA.8). Thời hạn sử dụng đến 8/10/2053.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 527855, thửa số 02. Thời hạn sử dụng đất đến 5/12/2045.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 621653, thửa đất số 209, tờ bản đồ số 17. Thời hạn sử dụng: lâu dài.

**11. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý <sup>(1)</sup>	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	36.000.000.000	36.000.000.000	-	36.000.000.000	36.000.000.000	-
Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng <sup>(2)</sup>	36.000.000.000	36.000.000.000	-	36.000.000.000	36.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>-</b>

<sup>(1)</sup> Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(2) Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Khang Gia Hưng (“Khang Gia Hưng”) (được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 8/3/2017; vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng), Công ty đã góp đủ phần vốn góp 36.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Khang Gia Hưng. Khang Gia Hưng hoạt động sản xuất kinh doanh và thương mại các sản phẩm nhựa, cấp. Tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Khang Gia Hưng là 18,00%.

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê đất	1.644.360.257	1.680.469.508
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, các chi phí khác	4.971.185.775	11.566.709.448
<b>Cộng</b>	<b>6.615.546.032</b>	<b>13.247.178.956</b>
<i>Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:</i>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số dư đầu năm	13.247.178.956	6.077.753.427
Phát sinh trong năm	3.408.408.959	12.300.473.089
Phân bổ trong năm	(10.040.041.883)	(5.131.047.560)
Số dư cuối năm	<b>6.615.546.032</b>	<b>13.247.178.956</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	<b>6.857.164.458</b>	<b>31.447.780.357</b>
- Speed Arrive Trading Co, LTD	1.781.076.228	1.781.076.228
- Công ty TNHH Tyre Pacific	948.279.725	-
- Các người bán khác	4.127.808.505	29.666.704.129
<b>Cộng</b>	<b>6.857.164.458</b>	<b>31.447.780.357</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả tiền trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả tiền trước của các người mua khác</i>	<b>26.926.880</b>	<b>71.331.186</b>
- Các người mua trả tiền trước khác	26.926.880	71.331.186
<b>Cộng</b>	<b>26.926.880</b>	<b>71.331.186</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	-	-	3.051.031.544	(1.445.160.591)	1.605.870.953	-
- Thuế GTGT nhập khẩu	-	-	739.345.302	(739.345.302)	-	-
- Thuế TNDN	1.179.536.931	-	-	(368.712.312)	810.824.619	-
- Thuế TNCN	132.895.182	-	1.007.817.770	(1.064.618.024)	76.094.928	-
- Thuế môn bài	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
- Các khoản khác	-	-	55.159.743	(55.159.743)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.312.432.113</b>	-	<b>4.860.354.359</b>	<b>(3.679.995.972)</b>	<b>2.492.790.500</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)**

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(239.556.583.947)	3.127.529.242
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	187.296.461.398	898.892.895
+ Chi phí không được trừ	187.296.461.398	898.892.895
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(52.260.122.549)	4.026.422.137
Chuyển lỗ các kỳ trước sang	-	-
Thu nhập tính thuế	-	4.026.422.137
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo Thu nhập tính thuế trong năm	-	805.284.427
Thuế TNDN phải nộp truy thu của năm trước	-	-
<b>Tổng Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>805.284.427</b>

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	21.989.990.005	633.883.707
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	195.721.644	-
<b>Cộng</b>	<b>22.185.711.649</b>	<b>633.883.707</b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

<i>Chi tiết gồm:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	<i>1.578.023.883</i>	<i>2.401.312.623</i>
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	125.517.968
- Kinh phí công đoàn	51.931.960	44.546.500
- Phải trả khác	1.526.091.923	2.231.248.155
<b>Cộng</b>	<b>1.578.023.883</b>	<b>2.401.312.623</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn***Tình hình biến động về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:*

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng	282.094.569.529	225.470.245.506	(339.848.495.124)	167.716.319.911
- Trái phiếu dài hạn	119.100.000.004	82.649.999.993	(1.749.999.997)	200.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>401.194.569.533</b>	<b>308.120.245.499</b>	<b>(341.598.495.121)</b>	<b>367.716.319.911</b>

**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>9.068.569.865</i>	-
- Công ty CP Louis Rice <sup>(5)</sup>	6.568.569.865	-
- Công ty CP XNK Cà phê II <sup>(5)</sup>	2.500.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>357.681.425.046</i>	<i>281.786.489.529</i>
- Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Tp.HCM <sup>(2)</sup>	69.201.365.410	49.133.537.358
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng <sup>(3)</sup>	67.061.664.355	99.786.888.320
- Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Nhơn Trạch <sup>(4)</sup>	14.240.201.804	-
- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Dương <sup>(5)</sup>	3.019.398.956	19.786.925.942
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sài Gòn	-	25.166.607.675
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai	-	26.852.808.594
- Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM	-	21.991.125.860
- Ngân hàng First Commercial Bank - CN Tp.HCM	-	39.068.595.780
- Công ty TNHH DV Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp <sup>(1)</sup>	4.158.794.521	-
- Trái phiếu dài hạn đến hạn trả <sup>(6)</sup>	200.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>366.749.994.911</b>	<b>281.786.489.529</b>

(1) Là các khoản tiền đi vay tín chấp với lãi suất 7% - 9%/năm. Thời hạn vay dưới 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Tp. HCM theo Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.101.301602.TD ngày 23/8/2021. Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng: đến hết ngày 15/07/2022. Thời hạn vay: 06 tháng đối với sản xuất cấp, 04 tháng đối với thương mại lớp xe. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: QSDĐ của Công ty số AL 527855 tại phường Bình An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương, nguyên giá tại ngày 31/12/2022 là 1.439.671.850 đồng và giá trị còn lại tại 31/12/2022 là 913.637.850 đồng (xem Thuyết minh V.10).



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(3) Là khoản vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 036/2022/HDHM/VPB-VKC ngày 16/2/2022. Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng. Thời gian cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay: không quá 06 tháng. Lãi suất: theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh. Tài sản thế chấp: QSDĐ và tài sản trên đất của Công ty số BA179285 tại Thửa 9183, Tờ bản đồ số 4 (2BA.8) tại phường Bình An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương, nguyên giá tại ngày 31/12/2022 là 46.402.355 đồng và giá trị còn lại tại 31/12/2022 là 33.093.159 đồng (xem Thuyết minh V.10).

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch theo Hợp đồng cho vay số 002/2022-HĐCVHM/NHCT681-VKC ngày 11/3/2022. Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng. Thời gian cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay: không quá 06 tháng. Lãi suất: theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh.

(5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng số 016K22 ngày 25/3/2022. Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì tín dụng: đến hết ngày 24/03/2023. Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh. Lãi suất: theo từng lần nhận nợ. Tài sản thế chấp: Khoản nợ phải thu cuối năm với trị giá 10.000.000.000 đồng (xem Thuyết minh V.3); Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh 20.000.000.000 đồng (xem Thuyết minh V.7).

(6) Là khoản vay bằng hình thức phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo.

Đại lý lưu ký: Công ty CP Chứng khoán HDB.

Giá trị trái phiếu đã phát hành: 200.000.000.000 đồng.

Mục đích phát hành: mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (trương đương 85% vốn điều lệ).

Ngày đáo hạn: 09/06/2023.

Lãi suất: 12%/năm.

Tài sản đảm bảo:

- Nhà máy đá Bình Thuận bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Giấy chứng nhận số CH369969 tọa lạc tại xã Thắng Hải huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp BIDICO) theo Hợp đồng quản lý tài sản đảm bảo số 1102/2022/HĐQLTSĐB/SEABANK-VKC/BIDICO ngày 11/02/2022 giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp Bidico, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – CN Sài Gòn.

- Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Giấy chứng nhận số BR626016 tọa lạc tại Thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (thuộc sở hữu của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 135/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2022 của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Tình hình thu và chi sử dụng trái phiếu đến ngày 31/12/2022 như sau:**

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
Số tiền thu từ đợt phát hành trái phiếu	200.000.000.000	
Số tiền chi sử dụng từ nguồn thu phát hành trái phiếu	199.227.668.136	
<i>Trong đó:</i>		
Các khoản chi đúng mục đích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 08/12/2021 và đúng theo Bản công bố thông tin ngày 03/12/2021 (mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (tương đương 85%))	84.150.000.000	Xem phụ lục 01 - Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu đúng mục đích theo nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường và đúng mục đích theo bản công bố thông tin
Các khoản chi đúng mục đích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 08/12/2021 nhưng không đúng theo Bản công bố thông tin ngày 03/12/2021 (mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (tương đương 85%))	80.800.000.000	Xem phụ lục 02 - Các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu đúng mục đích theo nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường nhưng không đúng mục đích theo bản công bố thông tin
Các khoản chi không đúng mục đích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 08/12/2021 không đúng mục đích theo Bản công bố thông tin ngày 03/12/2021	34.937.668.136	Xem phụ lục 03 - các khoản chi từ đợt thu phát hành trái phiếu không đúng mục đích theo nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường và không đúng mục đích theo bản công bố thông tin

**18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	966.325.000	119.408.080.004
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tp. HCM <sup>(1)</sup>	874.125.000	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Q. 11 <sup>(2)</sup>	92.200.000	308.080.000
- Trái phiếu dài hạn <sup>(3)</sup>	-	119.100.000.004
<b>Cộng</b>	<u>966.325.000</u>	<u>119.408.080.004</u>

<sup>(1)</sup> Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN TP.HCM theo Hợp đồng 6667.22.101.301602.TD ngày 20/02/2022. Số tiền vay: 932.400.000 đồng. Thời hạn vay: 48 tháng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô.

<sup>(2)</sup> Là khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN quận 11 theo hợp đồng cho vay số SME/Q11/18/0045/HDTD ngày 29/10/2018. Số tiền vay: 1.480.000.000 đồng; mục đích vay: mua xe ô tô Volkswagen Sharan. Thời hạn vay: 48 tháng. Tài sản thế chấp: xe ô tô Volkswagen Sharan biển số 61A-531.43 với nguyên giá tại ngày 31/12/2022 là 1.871.818.182 đồng, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 là 1.091.893.932 đồng (xem tại thuyết minh V.9).

<sup>(3)</sup> Khoản vay trái phiếu dài hạn được trình bày sang Nợ vay dài hạn đến hạn trả (xem tại Thuyết minh V.18a).



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	44.418.361	1.010.924.061
- Trích lập trong năm	-	50.096.300
- Sử dụng trong năm	(35.900.000)	(1.016.602.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.518.361</b>	<b>44.418.361</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Chi tiết tình hình biến động vốn chủ sở hữu xem tại *Phụ lục 04*.**20.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**20.3. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	721.000	721.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	721.000	721.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.279.000	19.279.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.279.000	19.279.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**21. Tài khoản ngoài bảng****Nợ khó đòi đã xóa**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Phát triển Đô thị Việt Nam	1.482.868.860	1.482.868.860
- Nhà đất Đạt Thịnh	943.928.940	943.928.940
- Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 15	770.283.296	770.283.296
- Các khách hàng khác	1.807.798.208	1.807.798.208
<b>Cộng</b>	<b>5.004.879.304</b>	<b>5.004.879.304</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dollar Mỹ (USD)	4.477,99	111.203,34

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng	259.923.305.252	881.837.962.781
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	4.469.262.867	4.131.680.164
<b>Cộng</b>	<b><u>264.392.568.119</u></b>	<b><u>885.969.642.945</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hàng bán	249.290.734.817	833.148.701.582
- Giá vốn hoạt động cho thuê mặt bằng	3.521.600.851	2.896.718.000
- Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	583.376.976	(8.062.919.433)
- Chi phí khấu hao của TSCĐ không sử dụng sản xuất	5.618.465.453	8.350.401.947
<b>Cộng</b>	<b><u>259.014.178.097</u></b>	<b><u>836.332.902.096</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi và tiền cho vay	2.080.539.028	4.990.551.264
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	292.854.669	158.925.406
<b>Cộng</b>	<b><u>2.373.393.697</u></b>	<b><u>5.149.476.670</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay, trái phiếu	37.028.199.771	22.823.646.802
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	247.550.735	584.250.669
- Tiền phạt chậm thanh toán	2.152.504	-
- Chi phí tài chính khác	4.496.303.518	-
<b>Cộng</b>	<b><u>41.774.206.528</u></b>	<b><u>23.407.897.471</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	2.936.072.863	5.902.193.412
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.031.022.977	1.774.829.207
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	6.125.136.944	7.141.568.724
<b>Cộng</b>	<b>10.092.232.784</b>	<b>14.818.591.343</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	6.735.404.013	5.197.612.144
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.423.127.283	1.332.387.513
- Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu quá hạn, khó đòi	68.131.158.819	(2.399.823.957)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	13.163.253.745	6.878.736.795
<b>Cộng</b>	<b>91.452.943.860</b>	<b>11.008.912.495</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chênh lệch thu – chi thanh lý TSCĐ	1.998.741.159	520.002.043
+ Thu từ thanh lý TSCĐ	3.745.454.546	520.002.043
+ Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và chi phí thanh lý	(1.746.713.387)	-
- Giá trị hàng tồn kho thừa không xác định được nguyên nhân	9.201.337.485	-
- Thu nhập khác	85.142.291	64.746.931
<b>Cộng</b>	<b>11.285.220.935</b>	<b>584.748.974</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị hàng tồn kho thiếu không xác định được nguyên nhân	104.030.108.816	633.195.299
- Chi phí khác	9.793.898.661	539.042.943
<b>Cộng</b>	<b>113.824.007.477</b>	<b>1.172.238.242</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**9. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(239.556.583.947)	2.322.244.815
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)		(50.096.300)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(239.556.583.947)	2.272.148.515
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cp)	19.279.000	19.279.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>(12.426)</b>	<b>118</b>

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(239.556.583.947)	2.322.244.815
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		(50.096.300)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(239.556.583.947)	2.272.148.515
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cp)	19.279.000	19.279.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>(12.426)</b>	<b>118</b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.277.369.394	69.876.342.347
- Chi phí nhân công	14.759.475.662	17.772.897.707
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.961.503.338	13.225.249.954
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	94.198.983.420	18.278.773.886
<b>Cộng</b>	<b>160.197.331.814</b>	<b>119.153.263.894</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)****1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

**2. Nợ tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**3.1. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)**

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
<i>Lương, thưởng, thù lao</i>			
Ông Phạm Hoàng Sinh	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/07/2022)	157.808.219	-
Bà Vũ thị Thu Hương	Phó Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/07/2022)	37.150.685	-
Ông Nguyễn Văn Thái	TV HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/07/2022)	273.057.256	-
Ông Lê Minh Chi	TV HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/07/2022)	223.566.953	-
	Trưởng BKS (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)		286.890.900
Ông Nguyễn Trung Trực	TV HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/07/2022)	237.503.540	-
Ông Ngô Xuân Long	Trưởng BKS (bổ nhiệm ngày 21/07/2022)	14.241.096	-
Bà Lê Thị Hoàn	TV BKS (bổ nhiệm ngày 21/07/2022)	15.780.822	-
Bà Lê Thị Thanh Thúy	TV BKS (bổ nhiệm ngày 21/07/2022)	15.780.822	-
Ông Trịnh Ngọc Thanh Liêm	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 15/11/2022)	44.544.269	-
Ông Nguyễn Thiện Cảnh	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/07/2022)	-	-
Ông Trịnh Văn Bảo	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 30/05/2022)	-	-
Ông Bùi Việt Dũng	TV HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/06/2022)	-	-
Ông Ngô Thục Vũ	TV HĐQT (miễn nhiệm ngày 18/05/2022)	-	-
Ông Huỳnh Thanh Tùng	TV HĐQT (miễn nhiệm ngày 29/06/2022)	-	-
Ông Hồ Đăng Dân	Trưởng BKS (miễn nhiệm ngày 04/03/2022)	-	-
Bà Phạm Thư Thảo	TV BKS (miễn nhiệm ngày 29/06/2022)	-	-
Ông Phạm Minh Vương	TV BKS (miễn nhiệm ngày 29/06/2022)	-	-
Ông Trần Lý Lạc Long Giang	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27/07/2022)	838.452.616	-
Ông Trần Hoàng An	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29/03/2022)	387.961.154	134.500.000
Ông Nguyễn Đức Lộc	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20/04/2022)	291.787.462	-
Bà Trần Ngọc Mai	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/07/2022)	225.903.360	15.500.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/07/2022)	296.242.423	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Bá Ngọc	Giám đốc tài chính (miễn nhiệm ngày 29/06/2022)	134.651.000	35.677.000
Bà Trần Mỹ Hạnh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 03/10/2022)	14.019.769	
Bà Trần Thị Mơ	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 15/11/2022)	15.685.462	
Bà Huỳnh Thị Kim Oanh	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 29/06/2022)	90.400.000	
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 16/02/2022)	88.513.600	257.120.698
Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)	-	338.000.000
Ông Võ Thiên Chương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm Chủ tịch ngày 08/12/2021, TGD ngày 30/11/2021)	-	970.069.982
Ông Phạm Linh	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)	-	93.889.000
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)	-	93.889.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)	-	93.889.000
Ông Lê Minh Chi	Trưởng BKS (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)	-	286.890.900
Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)	-	56.333.000
Ông Lê Thanh Duy	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)	-	56.333.000
Ông Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30/11/2021)	-	461.784.160
Ông Đỗ Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc thường trực (miễn nhiệm ngày 30/11/2021)	-	473.322.320
<i>Cổ tức được nhận</i>		-	-
<b>Cộng</b>		<b>1.842.314.527</b>	<b>429.858.848</b>

**3.2. Giao dịch với bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang	Có cùng thành viên chủ chốt trong Hội đồng quản trị (ông Trịnh Văn Bảo)
2. Công ty CP Louis Capital	Có cùng thành viên chủ chốt trong Hội đồng quản trị (ông Trịnh Văn Bảo từ ngày 08/12/2021 đến ngày 30/05/2022)
3. Công ty CP Sametel	Có cùng thành viên chủ chốt trong Hội đồng quản trị (ông Nguyễn Thiện Cảnh từ ngày 30/05/2022 đến ngày 21/07/2022)
4. Công ty CP XNK Cà Phê II	Có cùng thành viên chủ chốt trong Hội đồng quản trị (ông Trịnh Văn Bảo từ ngày 08/12/2021 đến ngày 30/05/2022)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5. Công ty CP XNK Louis Rice	Có cùng thành viên chủ chốt trong Hội đồng quản trị (ông Ngô Thục Vũ từ ngày 08/12/2021 đến ngày 18/05/2022)
6. Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Vĩnh Khánh	Có cùng thành viên chủ chốt trong Hội đồng quản trị (ông Nguyễn Văn Thái từ ngày 21/07/2022 đến nay)
7. Công ty TNHH Lương thực Angimex	Có cùng thành viên chủ chốt trong Hội đồng quản trị (ông Huỳnh Thanh Tùng từ ngày 08/12/2021 đến ngày 29/06/2022)

**Nội dung giao dịch:**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang		Thực hiện đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty (xem tại Thuyết minh V.18)	-
Công ty CP Louis Capital	Không phát sinh		-
Công ty CP Sametel	Giá trị bán hàng	74.893.020.603	-
	Giá trị mua hàng	6.669.871.844	-
Công ty CP XNK Cà phê II	Thu tiền đi vay	2.500.000.000	-
Công ty CP XNK Louis Rice	Thu tiền đi vay	27.768.569.865	-
	Trả tiền đi vay	21.200.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Vĩnh Khánh	Giá trị bán hàng	9.460.381.746	-
Công ty TNHH Lương thực Angimex	Thu tiền đi vay	1.000.000.000	-
	Trả tiền đi vay	1.000.000.000	-

Ghi chú: các giá trị mua hàng, bán hàng là đã bao gồm VAT.

**Số dư với các bên liên quan**

Xem tại Thuyết minh V.3, V.13, V.17.

**4. Báo cáo bộ phận**

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Bán hàng: chủ yếu là vỏ xe, cáp điện,...
- Cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## • Năm nay

Chỉ tiêu	Bán hàng	Cho thuê mặt bằng	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	258.473.107.300	4.469.262.867	262.942.370.167
- Giá vốn hàng bán	255.492.577.246	3.521.600.851	259.014.178.097
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>2.980.530.054</b>	<b>947.662.016</b>	<b>3.928.192.070</b>

## • Năm trước

Chỉ tiêu	Bán hàng	Cho thuê mặt bằng	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	880.002.165.081	4.131.680.164	884.133.845.245
- Giá vốn hàng bán	833.436.184.096	2.896.718.000	836.332.902.096
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>46.565.980.985</b>	<b>1.234.962.164</b>	<b>47.800.943.149</b>

## Khu vực địa lý

## • Năm nay

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	252.320.016.461	10.622.353.706	262.942.370.167
- Giá vốn hàng bán	248.483.550.394	10.530.627.703	259.014.178.097
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>3.836.466.067</b>	<b>91.726.003</b>	<b>3.928.192.070</b>

## • Năm trước

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	860.911.510.692	23.222.334.553	884.133.845.245
- Giá vốn hàng bán	817.983.606.796	18.349.295.300	836.332.902.096
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>42.927.903.896</b>	<b>4.873.039.253</b>	<b>47.800.943.149</b>

**5. Tài sản đảm bảo***Tài sản của Công ty thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty dùng các khoản tiền gửi tiết kiệm, các khoản nợ phải thu của khách hàng, các hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh V.18). Tổng giá trị các tài sản tại ngày 31/12/2022 dùng để thế chấp là 32.548.624.941 đồng (xem tại Thuyết minh V.2, V.3, V.7, V.9, V.10).

*Tài sản của bên khác đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty*

Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp Bidico và Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang thực hiện đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty bằng tài sản của Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp BIDICO và Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (xem tại Thuyết minh V.18).

*Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**6. Đầu giá tài sản**

Ngày 20/06/2022, Công ty có thông báo đầu giá tài sản quyền sử dụng đất số CT28163 số diện tích 2.366, m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 4701 tờ bản đồ số 5 và công trình nhà kho diện tích 1.000 m<sup>2</sup> xây dựng trên đất; quyền sử dụng đất số GCN AL 527855 diện tích 6.475,57 m<sup>2</sup>, và công trình nhà kho diện tích 5.000 m<sup>2</sup> xây dựng trên đất. Hiện nay, chưa có kết quả đầu giá này.

**7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2023.

Người lập

Kế toán trưởng

Đại diện theo pháp luật

*Lâm Thị Hồng Hoa*

*Trịnh Ngọc Thanh Liêm*  
TRINH NGỌC THANH LIÊM

*Nguyễn Văn Thái*  
NGUYỄN VĂN THÁI



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phụ lục 01

**PHỤ LỤC: CÁC KHOẢN CHI TỪ ĐỢT THU PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ BẤT THƯỜNG VÀ ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
1	GBNSBV/007/12/21	06/12/2021	ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp tocccc	15.000.000.000
2	GBNSBV/006/12/21	06/12/2021	ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp tocccc	10.000.000.000
3	GBNSBV/006/12/21	06/12/2021	ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp tocccc	34.000.000.000
4	GBNSBV/005/12/21	08/12/2021	ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp tocccc	4.700.000.000
5	GBNHDV/001/12/21	14/12/2021	ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp tocccc	2.800.000.000
6	GBNHDV/002/12/21	17/12/2021	ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp tocccc	17.650.000.000
<b>Cộng</b>				<b>84.150.000.000</b>

Người lập

Lâm Thị Hồng Hoa

Kế toán trưởng

TRINH NGỌC THANH LIÊM

Bình Dương, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Đại diện theo pháp luật





**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phụ lục 02

**PHỤ LỤC: CÁC KHOẢN CHI TỪ ĐỢT THU PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ BẤT THƯỜNG NHUNG KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO BÀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
1	GBNSBV/004/12/21	08/12/2021	ứng trước tiền góp vốn cty con toccoto	8.000.000.000
2	GBNHDV/003/12/21	22/12/2021	ứng trước 1 phần tiền mua vốn góp toccoco	14.600.000.000
3	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
4	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
5	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
6	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
7	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
8	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
9	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
10	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
11	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	700.000.000
12	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
13	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
14	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
15	GBNMBV/066/02/22	28/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	1.000.000.000
16	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn ml	1.000.000.000
17	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn ml	1.000.000.000
18	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn ml	1.000.000.000
19	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn ml	1.000.000.000
20	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn ml	1.000.000.000
21	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn ml	1.000.000.000
22	GBNMBV/044/02/22	21/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn ml	1.000.000.000
23	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	100.000.000
24	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	260.000.000
25	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
26	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
27	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
28	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
29	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
30	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
31	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
32	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
33	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
34	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
35	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
36	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
37	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
38	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
39	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
40	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
41	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
42	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
43	GBNVPV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	300.000.000
44	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
45	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
46	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
47	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
48	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
49	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
50	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
51	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
52	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
53	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
54	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
55	GBNVIV/009/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn	495.000.000
56	GBNMBV/033/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn - ma giao dich/ trace 206083 202202180531899073.wibt-sm	100.000.000
57	GBNMBV/033/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn - ma giao dich/ trace 206083 202202180531899073.wibt-sm	300.000.000
58	GBNMBV/033/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn - ma giao dich/ trace 206083 202202180531899073.wibt-sm	300.000.000
59	GBNMBV/033/02/22	18/02/2022	vkc gop von vao toccoo vn - ma giao dich/ trace 206083 202202180531899073.wibt-sm	300.000.000
60	GBNVIV/003/01/22	06/01/2022	gop von cong ty toccoo	300.000.000
61	GBNSBV/004/01/22	06/01/2022	gop von vao toccoo vn	2.500.000.000
62	GBNMBV/004/01/22	06/01/2022	gop von vao toccoo - ma giao dich/ trace 392660 202201060456070263.wibt-sm	200.000.000
63	GBNMBV/004/01/22	06/01/2022	gop von vao toccoo - ma giao dich/ trace 392660 202201060456070263.wibt-sm	300.000.000
64	GBNMBV/002/01/22	06/01/2022	gop von vao toccoo	200.000.000
65	GBNMBV/002/01/22	06/01/2022	gop von vao toccoo	1.000.000.000
66	GBNMBV/002/01/22	06/01/2022	gop von vao toccoo	1.000.000.000
67	GBNSBV/001/01/22	05/01/2022	gop von vao toccoo	7.900.000.000
68	GBNHV/002/01/22	05/01/2022	gop von vao toccoo	1.000.000.000
69	GBNHV/001/01/22	05/01/2022	gop von vao toccoo	11.100.000.000
<b>Cộng</b>				<b>80.800.000.000</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Lâm Thị Hồng Hoa

TRINH NGOC THANH LIEM



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

TP. HỒ CHÍ MINH  
ÔN  
NHIỆ  
DÂN  
JAN  
12



**CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS**

Địa chỉ: Số 834, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)


Phụ lục 03

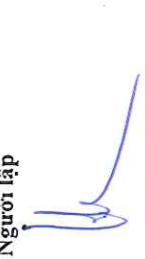
**PHỤ LỤC: CÁC KHOẢN CHI TỪ ĐỢT THU PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG VÀ KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH THEO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
3	CKN/014/12/21	28/12/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
4	CKN/014/12/21	28/12/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
5	CKN/014/12/21	28/12/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
6	CKN/014/12/21	28/12/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
7	CKN/014/12/21	28/12/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
8	CKN/014/12/21	28/12/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
9	CKN/014/12/21	28/12/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
10	CKN/014/12/21	28/12/2021	"loai giao dich: gd ghi no tu tt thanh toan noi dung: chuyen qua vcb nbd"	500.000.000
15	CKN/006/01/22	07/01/2022	chuyen qua mb	2.600.000.000
16	CKN/007/01/22	07/01/2022	chuyen qua vb	300.000.000
23	CKN/015/01/22	13/01/2022	ibvcb.0701220999971001.650923.ibtc.chuyen qua vpb	500.000.000
24	CKN/015/01/22	13/01/2022	ibvcb.0701220999971001.650923.ibtc.chuyen qua vpb	500.000.000
25	CKN/031/01/22	18/01/2022	chuyen qua mb	200.000.000
26	CKN/031/01/22	18/01/2022	chuyen qua mb	300.000.000
27	CKN/031/01/22	18/01/2022	chuyen qua mb	300.000.000
28	CKN/031/01/22	18/01/2022	chuyen qua mb	300.000.000
29	CKN/031/01/22	18/01/2022	chuyen qua mb	300.000.000
30	CKN/031/01/22	18/01/2022	chuyen qua mb	300.000.000
31	CKN/031/01/22	18/01/2022	chuyen qua mb	300.000.000
32	CKN/031/01/22	18/01/2022	chuyen qua mb	300.000.000
34	CKN/032/01/22	25/01/2022	chuyen qua vpb	300.000.000
35	CKN/032/01/22	25/01/2022	chuyen qua vpb	300.000.000
36	CKN/032/01/22	25/01/2022	chuyen qua vpb	300.000.000
37	CKN/032/01/22	25/01/2022	chuyen qua vpb	300.000.000
38	CKN/032/01/22	25/01/2022	chuyen qua vpb	300.000.000
39	CKN/032/01/22	25/01/2022	chuyen qua vpb	300.000.000
40	CKN/033/01/22	26/01/2022	chuyen qua mb	300.000.000
41	CKN/033/01/22	26/01/2022	chuyen qua mb	300.000.000
42	CKN/033/01/22	26/01/2022	chuyen qua mb	300.000.000
43	CKN/033/01/22	26/01/2022	chuyen qua mb	300.000.000
44	CKN/034/01/22	26/01/2022	chuyen qua mb	300.000.000
45	CKN/034/01/22	27/01/2022	chuyen qua vpb	300.000.000
46	CKN/035/01/22	28/01/2022	chuyen qua mb	200.000.000
47	CKN/002/02/22	07/02/2022	chuyen qua vpb	1.500.000.000
48	CKN/001/02/22	07/02/2022	chuyen qua mb	200.000.000
49	CKN/020/02/22	08/02/2022	chuyen qua mb	5.000.000.000
				300.000.000

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Nội dung	Số tiền
50	CKN/004/02/22	09/02/2022	chuyen qua mb	300.000.000
51	CKN/004/02/22	09/02/2022	chuyen qua mb	300.000.000
52	CKN/004/02/22	09/02/2022	chuyen qua mb	200.000.000
53	CKN/004/02/22	09/02/2022	chuyen qua mb	300.000.000
55	CKN/007/02/22	10/02/2022	chuyen qua mb	200.000.000
56	CKN/006/02/22	10/02/2022	chuyen qua mb	300.000.000
57	CKN/006/02/22	10/02/2022	chuyen qua mb	300.000.000
69	CKN/008/02/22	15/02/2022	chuyen qua vcb bd	5.600.000.000
84	CKN/038/03/22	04/03/2022	chuyen qua mb	100.000.000
59	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
60	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
61	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
62	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
63	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
64	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
65	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
66	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
67	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
68	GBNHDV/004/02/	14/02/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
71	GBNHDV/006/02/	15/02/2022	tra no vay louis rice	150.000.000
72	GBNHDV/006/02/	15/02/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
73	GBNHDV/006/02/	15/02/2022	tra no vay louis rice	300.000.000
17	GBNHDV/004/01/	12/01/2022	tt tien hang	237.668.133
18	GBNHDV/004/01/	12/01/2022	tt tien hang	500.000.000
19	GBNHDV/004/01/	12/01/2022	tt tien hang	500.000.000
20	GBNHDV/004/01/	12/01/2022	tt tien hang	500.000.000
21	GBNHDV/004/01/	12/01/2022	tt tien hang	500.000.000
22	GBNHDV/004/01/	12/01/2022	tt tien hang	500.000.000
33	GBNSBV/006/01/	20/01/2022	tt theo hop dong 171221 vkc smt	1.900.000.000
54	GBNMBV/015/02	09/02/2022	chuyen tien lai do khach nop du tien trai phieu	(50.000.000)
85	GBNMBV/080/03	23/03/2022	hoan tra lai tien nop du dau tu trai phieu vkc theo de nghi ngay 24.02 cua tran thi thanh binh	(399.999.997)
86	GBNMBV/080/03	23/03/2022	hoan tra lai tien nop du dau tu trai phieu vkc theo de nghi ngay 24.02 cua tran thi thanh binh	(300.000.000)
87	GBNMBV/080/03	23/03/2022	hoan tra lai tien nop du dau tu trai phieu vkc theo de nghi ngay 24.02 cua tran thi thanh binh	(1.000.000.000)
<b>Cộng</b>				<b>34.937.668.136</b>



Kế toán trưởng  
  
**TRỊNH NGỌC THANH LIÊM**

Người lập  
  
**Lâm Thị Hồng Châu**





